TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ – ST
Ngày 11- 7 - 2017
V/v: "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có :
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lý Thị Lệ Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng và ông Đặng Văn Đê.
- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang– Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 07 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2017 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T. P, sinh năm 1983; Trú tại: Tổ 8, ấp T, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1980; Trú tại: Tổ 8, ấp T, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

(Bà P có mặt, ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố B, nguyên đơn Bà P trình bày:

Bà P và ông B chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 133, ngày 30/10/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống chung với cha mẹ ruột bà P tại tổ 8, ấp T, xã H, thành phố B.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà P thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B ham chơi tụ tập bạn bè, đá gà, không chịu đi làm, thiếu trách nhiệm với vợ con. Bà P cũng đã nhiều lần khuyên mong ông B cùng phụ kiếm việc làm trang trải kinh tế gia đình nhưng ông B vẫn không thay đổi. Vì

vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông bà không còn sống chung, ông B vẫn sống tại nhà cha mẹ bà P còn bà P thì trú tại cửa hàng may của bà mở gần nhà.

- Về con chung: Ông B, bà P có 1 con chung là cháu C, sinh ngày 04/9/2011, hiện nay cháu ở với ông B cùng cha mẹ của bà P. Theo đơn khởi kiện bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C thì sẽ không gây khó khăn cho Bà P sau khi ly hôn; nên bà P đồng ý giao cháu C cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và bà P sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình mà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2017, bị đơn ông B trình bày:

Ông B thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và con chung như lời khai của bà P là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, ông xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng ông vẫn mong muốn đoàn tụ, nếu bà P vẫn cương quyết ly hôn thì ông không có ý kiến gì.

Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, sinh ngày 04/9/2011 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng nhận thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn nhưng ông B không hợp tác nên Tòa án xử vắng mặt là đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho bà P được ly hôn với ông B; giao con chung cho ông B nuôi dưỡng và không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu; tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà P có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung với ông B; ông B hiện đang cư

trú tại tổ 8, ấp T, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông B đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Bà P và ông B là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên không hòa hợp, bất đồng trong việc trang trải kinh tế gia đình. Bà P không còn tin tưởng, yêu thương ông B. Ông B cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng mong muốn đoàn tụ, tuy nhiên ông B không có giải pháp nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án cũng đã nhiều lần mời ông B đến Tòa án để hòa giải nhưng ông B vẫn từ chối không có mặt. Như vậy ông B đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không nỗ lực để giải quyết mâu thuẫn giữa ông và Bà P. Theo xác minh tại địa phương, mâu thuẫn giữa bà P ông B là có thật; trước khi lập gia đình ông B cũng không có công việc ổn định, thỉnh thoảng cũng có cờ bạc đá gà. Sau khi kết hôn ông B về sống chung gia đình vợ và không có việc làm ổn định, không phụ giúp bà P phát triển kinh tế gia đình. Như vậy lời khai của bà P về mâu thuẫn giữa bà và ông B là đúng. Điều này chứng tỏ giữa Bà P và ông B đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, hai bên đã ly thân. Từ đó cần tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà P là cho bà được ly hôn với ông B.

[3] Về con chung: Ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, sinh ngày 04/9/2011 đến tuổi trưởng thành và bà P đồng ý giao con cho ông B nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận giao cháu C cho ông B trực tiếp; nếu ông B nuôi con không đảm bảo quyền lợi của con thì bà P có quyền thay đổi nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc ông B không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận. Trường hợp ông B có yêu cầu về cấp dưỡng sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông B bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông bà có yêu cầu sẽ xem xét thành vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà P nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T. P được ly hôn với ông Nguyễn Thái B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thái C, sinh ngày 04/9/2011 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông B tự nguyện không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Bà P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà P phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003331 ngày 15/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Bà P đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo: Bà P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông B vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT**;**
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THA thành phố B;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lý Thị Lệ Thủy